

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1488/TTr-SNNPTNT ngày 13 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 52 danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế (Có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế chỉ đạo các Phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện số hoá thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, tổng hợp đề xuất của cấp huyện, cấp xã để bổ sung Danh mục các thành phần hồ sơ phải số hóa, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để tổng hợp, ban hành theo quy định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp bổ sung Danh mục các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, triển khai thực hiện danh mục các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa đáp ứng yêu cầu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

5. Ngoài các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa theo quy định tại Điều 1, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ tình hình thực tế chủ động số hóa đối với những thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TT PVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HOÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1657 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Ghi chú
I	Danh mục thành phần hồ sơ được chia thành thủ tục hành chính dùng chung (áp dụng cho cấp tỉnh và huyện)				
1.	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	1.004359	Thủy sản	I. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản: (1) Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá theo quy định phải đăng kiểm. (2) Bản chụp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. II. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác: (3) Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá”. (3) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy phép khai thác thủy sản”.
2.	Xóa đăng ký tàu cá	1.003681	Thủy sản	(1) Bản chính giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá”.
3.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003650	Thủy sản	(1) Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản; (2) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá; (3) Bản chính Giấy chứng nhận	(1), (3), (5) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá”. (4) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp

				cải hoán, sửa chữa tàu; (4) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ; (5) Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (6) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.	giấy chứng nhận đăng ký tàu cá”. (6) Kết quả thực hiện của TTHC “Xóa đăng ký tàu cá”.
4.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003634	Thủy sản	(1) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký, Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản cũ; (2) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá”.
II Danh mục thành thủ tục hành chính cấp tỉnh					
5.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y.	2.001064	Thú y	(1) Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài); (2) Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp (trong trường hợp gia hạn).	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh”.
6.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường	1.005319	Thú y	(1) Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề

	hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y				thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh”.
7.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686	Thú y	(1) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập hộ kinh doanh/Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.004839	Thú y	(1) Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y”.
9.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2.001827	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	(1) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/ Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06	2.001823	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	(1) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/ Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập

	tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)				công ty cổ phần”.
11.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	1.004427	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (2) Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/ Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư”.
12.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	2.001796	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (2) Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/ Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/ Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư”.
13.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác	2.001795	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư

	trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.			đăng ký doanh nghiệp; (2) Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư.	nhân/ Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/ Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư”.
14.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh.	2.001793	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (2) Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư”.
15.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	2.001791	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (2) Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/ Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư”.
16.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội	1.003880	Thủy lợi		(1) Kết quả thực hiện của TTHC

	dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.			(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép).	“Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/ Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.
17.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	1.003870	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép).	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/ Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.
18.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	2.001426	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép).	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/ Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.

19.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	2.001401	Thủy lợi	(1) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép).	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.
20.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	1.003893	Thủy lợi	(1) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.
21.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá.	1.003586	Thủy sản	(1) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá”.
22.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	1.003666	Thủy sản	I. Hồ sơ đề nghị chứng nhận gồm: (1) Bản sao Giấy xác nhận	(1), (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy

				<p>nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.</p> <p>II. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận gồm:</p> <p>(2) Bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất).</p>	<p>sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)”.</p>
23.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ).	1.004918	Thủy sản	<p>-Trường hợp cấp lại: (1) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.</p>	<p>(1) Kết quả thực hiện của TTHC: “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ).”</p>
24.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước	1.004915	Thủy sản	<p>Trường hợp cấp lại: (1) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị</p>	<p>(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước</p>

	ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).			mất.	ngoài)".
25.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	1.004697	Thủy sản	Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: (1) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã cấp.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá”.
26.	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	1.004692	Thủy sản	Hồ sơ đăng ký lại bao gồm: (1) Bản chính giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất).	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực”.
27.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	1.004656	Thủy sản	(1) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với trường hợp có sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá”.
28.	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1.003388	Nông nghiệp	(1) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ doanh nghiệp đã được cấp.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần.
29.	Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	1.010573	Kinh tế hợp tác và Phát	(1) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty

	ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		triển nông thôn		TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần.
30.	Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, hữu cơ; sản xuất giống chất lượng cao; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.	1.010571	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	(1) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/ Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần.
31.	Công nhận làng nghề truyền thống	1.003727	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	(1) Bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); (2) Bản sao giấy chứng nhận công nhận nghề truyền thống (nếu có); (3) Bản sao giấy chứng nhận công nhận làng nghề (nếu có).	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghề nhân Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ”. (2) Kết quả thực hiện của TTHC “Công nhận nghề truyền thống”. (3) Kết quả thực hiện của TTHC “Công nhận làng nghề”
32.	Công nhận nghề truyền thống	1.003712	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	(1) Bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghề nhân Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ”.
33.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	1.012004	Trồng trọt	(1) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành

				chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức, trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp.	lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/Đăng ký thành lập công ty cổ phần”.
34.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	1.004493	Bảo vệ thực vật	(1) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (cấp Bộ)”.
III	Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện				
35.	Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP	1.010574	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	(1) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể; đối với Tổ hợp tác, cung cấp bản Thông báo về việc thành lập Tổ hợp tác kèm theo hợp đồng hợp tác.	(1) Kết quả thực hiện của TTHC “Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên/Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên/ Đăng ký thành lập công ty cổ phần.

** Ghi chú: Danh mục thành phần hồ sơ phải số hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm 08 lĩnh vực, 35 TTHC và 52 thành phần hồ sơ phải số hoá. (Trong đó: cấp tỉnh: 33 TTHC và 51 thành phần hồ sơ; cấp huyện: 05 TTHC và 13 thành phần hồ sơ)./.*